TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 31/2019/DS-GĐT
Ngày 06/6/2019
V/v *tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 12 (mười hai) thành viên tham gia xét xử, do ông Lại Văn Trình – Phó chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: **Bà** Lưu Thị Hưởng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Thành Ph , sinh năm 1977;
2. Ông Lê Thành T , sinh năm 1961;
3. Bà Võ Thị L , sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Thôn X , xã N , thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T , sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Tân Lập, xã Ninh Sim, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.
2. Ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1970;
3. Bà Trần Thị Th , sinh năm:.....;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Lê Văn Đ , sinh năm 1960; địa chỉ: TDP 16 phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu T1 , sinh năm 1987; địa chỉ: thôn X , xã N , thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.
2. Bà Châu Thị D ; địa chỉ: TDP 16, phường N, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thành T , bà Võ Thị L do ông Lê Thành D đại diện trình bày:

Năm 1992, ông Lê Thành T cùng một số người khác vào xin đất khai hoang tại khu vực núi Hòn Bò, xã NT nay là thôn Buôn Đung, xã NT , thị xã NH để trồng mía và cây lâu năm. Năm 1997, ông Lê Thành T xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2001, ông T , bà L được Ủy ban nhân dân huyện NH (nay là thị xã NH) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 282237 ngày 27/7/2001 đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 64, xã NT , huyện NH có diện tích 104.658m^2.

Năm 2005, bà Trần Thị T vào chiếm một phần diện tích đất là 48.448m^2, ông T , bà L đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã NT nhưng chính quyền địa phương hòa giải không thành.

Cùng trong năm 2005, ông T , bà L chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 21, diện tích 104.658m^2, tờ bản đồ số 64 xã NT cho ông Nguyễn Hữu T1 , trú tại thôn X , xã N , thị xã NH với số tiền là 60.000.000 đồng; sau đó, ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện NH (nay là thị xã NH) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 300950 cấp ngày 28/8/2005 đứng tên ông T1 . Tuy nhiên, khi chuyển nhượng do một phần diện tích đất bà T đang chiếm dụng nên ông T , bà L mới chỉ giao cho ông T1 diện tích đất là 56.017m^2 trong tổng diện tích 104.658m^2, phần còn lại bà T đang quản lý, sử dụng có diện tích 48.441m^2 nên giữa ông T1 với vợ chồng ông T , bà L thỏa thuận ông T , bà L phải khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông T , bà L diện tích đất 48.441m^2 để ông T , bà L tiếp tục giao cho ông T1 .

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thành Ph do ông Lê Thành D đại diện trình bày:

Tháng 5/1999, bà Ph có nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H , trú tại thôn Tân Khánh 1, xã Ninh Sim, huyện NH (nay là thị xã NH) thửa đất số 25, tờ bản đồ số 64, có diện tích 61.370m^2 tại thôn Buôn Đung, xã NT (khu vực suối Mít) để trồng mía, hai bên chỉ viết bằng giấy tay và bà H đã giao đất cho bà Ph sử dụng.

Đến ngày 29/4/2005, hai bên mới làm lại hợp đồng chuyển nhượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã NT ký và Ủy ban nhân dân huyện NH vào ngày 07/6/2005. Ngày 02/8/2005, Ủy ban nhân dân huyện NH đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00569/QSDĐ/5110505 thửa đất 25 có diện tích 61.370m^2 tờ bản đồ số 64 xã NT cho bà Ph .

Năm 2002, bà Ph phát hiện bà Trần Thị T lấn chiếm đất, hai bên có thương lượng giải quyết nhưng không thành và các bên đã khiếu nại ra Ủy ban nhân dân xã NT giải quyết nhưng không thành. Trong thời gian này, bà T rủ thêm nhiều người khác lấn chiếm đất của các ông, bà như: ông Nguyễn Văn H , bà Trần Thị Th , ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn K .

Căn cứ vào sơ đồ bản vẽ trích đo địa chính khu vực do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ ngày 25/8/2010, tại thửa đất số 25 tờ bản đồ 64 có diện tích 61.370m^2 tại thôn Buôn Đung, xã NT thì bà T chiếm phần đất có diện tích

13.980m^2, ông H chiếm 18.741m^2, bà Th chiếm 12.120m^2, ông Đ chiếm 2.193m^2, ông K chiếm 12.076m^2. Ông D đại diện cho nguyên đơn yêu cầu tách giải quyết tranh chấp với ông K thành vụ kiện dân sự khác.

Bà Ph yêu cầu bà Tự, ông H , bà Th, ông Đ phải trả lại các phần đất lấn chiếm nói trên thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ 64 tại thôn Buôn Đung, xã NT (khu vực suối Mít).

- *Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:* Phần diện tích mà hiện nay nguyên đơn tranh chấp, một phần do bà khai hoang từ năm 2000, một phần do được ông Nguyễn Ngọc Ch ở thôn Đống Đa, xã NS cho bà. Năm 2002, khi bà canh tác thì ông T , bà L không có ý kiến gì. Đến năm 2004, ông Lê Thành D (anh của bà Ph) nói bà lấn đất của ông T , bà L . Ông D có trao đổi yêu cầu bà trả lại đất nhưng bà không đồng ý. Năm 2005, ông T , ông D vào ủi đất thì bà có khiếu nại ra Ủy ban nhân dân xã NT giải quyết. Nay bà không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông T1 , bà L và bà Ph .

- *Bị đơn ông Lê Văn Đ và vợ là Châu Thị D trình bày:* Năm 2003, ông bà có mua của ông Nguyễn Ngọc Ng ở cây số 12 xã NT một lô đất 8 ha tại thôn Buôn Đung, xã NT và khai hoang canh tác đến nay. Khi mua đất hai bên chỉ làm giấy viết tay, ông Nghĩa có giao cho ông, bà Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện NH về việc giao đất khai hoang của ông Nghĩa, có chỉ cho ông bà khu đất mà ông Nghĩa đang làm chứ không có bản vẽ ranh giới cụ thể. Nay ông D cho rằng ông, bà lấn chiếm một phần diện tích đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ 64 tại thôn Buôn Đung, xã NT và yêu cầu ông bà trả lại thì ông bà không đồng ý vì hiện nay ông bà đang trồng mía.

- *Bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:* Năm 2002 bà làm công cho bà Trần Thị T nên bà T có cho bà một phần đất mà bà T đang canh tác tại thôn Buôn Đung, xã NT , huyện NH tại thửa đất số 25 tờ bản đồ 64 để bà canh tác. Bà đã trồng mía đến giữa năm 2012 thì giao lại cho bà T quản lý, sử dụng. Vì vậy hiện nay bà không còn quản lý sử dụng diện tích đất nào tại thửa đất nguyên đơn tranh chấp.

- *Bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:* Phần diện tích đất ông đang sử dụng mà nguyên đơn tranh chấp là do năm 2001 ông tự khai hoang và sử dụng từ đó đến nay. Việc sử dụng đất ông chưa kê khai và chưa được cấp giấy tờ gì của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho bà diện tích đất trên, ông không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:*

Ngày 20/7/2005, ông có nhận chuyển nhượng của ông T , bà L thửa đất số 21, tờ bản đồ số 64 thuộc thôn Buôn Đung, xã NT , huyện NH có diện tích 104.658m^2. Khi chuyển nhượng thì thửa đất trên ông T và bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện NH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước khi ông T , bà L chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T1 thì một phần diện tích đất chuyển nhượng đã bị bà T và một số người khác đang lấn

chiếm. Bên chuyển nhượng là ông T , bà L có báo cho ông T1 biết tình trạng đất chuyển nhượng như vậy, ông T1 vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng và hai bên thống nhất đối với phần diện tích đất mà người khác đang lấn chiếm, ông T , bà L chưa thể giao ngay cho ông T1 được vì lúc này ông T , bà L còn đang tranh chấp đòi lại các hộ lấn chiếm trong đó có bà Tự. Hai bên thỏa thuận ông T , bà L sẽ tiếp tục khởi kiện yêu cầu những người lấn đất trả lại đất cho ông T , bà L để ông T bà L giao lại cho ông T1 . Ông T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T , bà L .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2012/DS-ST ngày 19/9/2012, Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Lê Thành T , bà Võ Thị L ...

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Thành Ph ...

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2012, bà Trần Thị T , ông Nguyễn Văn H , ông Lê Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2013/DSPT ngày 15/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện "tranh chấp quyền sử dụng đất" của nguyên đơn bà Lê Thị Thành Ph với các bị đơn ông Nguyễn Văn H đối với phần diện tích đất 18.741m^2; ông Lê Văn Đ , bà Châu Thị D đối với phần diện tích đất 2.193m^2 thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ số 64, tờ bản đồ địa chính xã NT , huyện NH (nay là thị xã NH)

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thành T và bà Võ Thị L . Buộc bà Trần Thị T phải trả cho ông Lê Thành T , bà Võ Thị L lô đất có diện tích 48.441m^2 thuộc thửa đất số 21 tờ bản đồ số 64 bản đồ địa chính xã NT , huyện NH (nay là thị xã NH).

...

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thành Ph .

Buộc bà Trần Thị T phải trả lại cho bà Lê Thị Thành Ph lô đất số 3 có diện tích 13.980m^2 và lô số 4 có diện tích 12.120m^2 thuộc thửa đất số 25 tờ bản đồ số 64 xã NT .

Bà Trần Thị T được quyền thu hoạch vụ mía đã trồng trước khi xét xử vụ án để trả lại diện tích đất cho bà Lê Thị Thành Ph .

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 195/2015/DS-GĐT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định: *… Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2013/DSPT ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2012/DS-ST ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa về vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thành Ph , vợ chồng ông Lê Thành T , Võ Thị*

L với các bị đơn là bà Trần Thị T , ông Nguyễn Văn H , bà Trần Thị Th , ông Lê Văn Đ ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T1 , bà Châu Thị D ; Giao hồ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Ngày 13/7/2015, Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa thụ lý lại vụ án số 135/2015/TLST-DS.

Ngày 20/10/2015, ông Lê Thành T , bà Võ Thị L và bà Lê Thị Thành Ph có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Ngày 22/10/2015, Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số 99/2015/QĐ-ST.

Ngày 30/10/2015, bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo.

Ngày 19/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 04/2016/QĐ-PT giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ vụ án, nội dung: *"Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T xin hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 99/2015/QĐST-DS ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã NH..."*

Ngày 13/12/2017, bà Trần Thị T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo và quyết định đình chỉ vụ án dân sự nêu trên.

Tại Quyết định số 38/2018/KN-DS-VC2 ngày 19/3/2018, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm Quyết định giải quyết việc kháng cáo nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2016/QĐ-PT ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết định giải quyết vụ án số 99/2015/QĐST-DS ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã NH; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại vụ án, với lý do: Tại Quyết định giám đốc thẩm số 195/2015/DS-GĐT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên để giải quyết sơ thẩm lại. Ngày 13/7/2015, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án, đến ngày 20/10/2015 nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Trong khi trước đó ngày 06/6/2014, Hội đồng cưỡng chế thi hành án Chi cục thi hành án dân sự thị xã NH đã tổ chức cưỡng chế giao diện tích đất tranh chấp cho ông Lê Thành T , bà Võ Thị L . Việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện mà không được bị đơn là bà Trần Thị T đồng ý nhưng Tòa án nhân dân thị xã NH đã ra Quyết định đình chỉ vụ án và Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định đình chỉ vụ án mà không giải quyết hậu quả của việc thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 217 Bộ luật tố tụng năm 2015, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị T

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Các nguyên đơn là ông Lê Thành T , bà Võ Thị L và bà Lê Thị Thành Ph được thi hành án trả lại các diện tích đất tranh chấp tại xã NT , huyện NH (nay là thị xã NH) dựa trên Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2013/DSPT ngày 15/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết định thi hành án số 396 và 397 ngày 02/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã NH nhưng Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 195/2015/DS-GĐT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tối cao nên không còn hiệu lực thi hành; từ đó, căn cứ để các nguyên đơn được giao trả các diện tích đất tranh chấp không còn nhưng do trước đó bản án đã được thi hành nên các nguyên đơn đã nhận các diện tích đất từ việc bị đơn thi hành án. Khi Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa thụ lý, giải quyết lại vụ án thì phía nguyên đơn rút đơn khởi kiện, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên, trong khi đó hậu quả của việc thi hành án trước đây vẫn đang tồn tại, kể cả các khoản tiền tạm ứng án phí hoặc án phí đã thu trước đây không được xử lý triệt để, các nguyên đơn mặc nhiên nhận được diện tích đất tranh chấp trong khi căn cứ pháp lý (bản án) không còn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong trường hợp *người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận*, như vậy không phải mọi trường hợp người khởi kiện rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải cân nhắc đến vấn đề trên để không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của các nguyên đơn (trừ khi các đương sự thống nhất được với nhau).

[2]. Do đó, khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên là không thỏa đáng.

[3]. Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 38/2018/KN-DS-VC2 ngày 19/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, trong đó áp dụng điều luật chưa có hiệu lực pháp luật tại thời điểm giải quyết vụ án (khoản 4 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015) để làm căn cứ kháng nghị là không chính xác. Tuy nhiên, với lý do như đã phân tích trên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2016/QĐ-PT ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết

định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 99/2015/QĐST-DS ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã NH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2016/QĐ-PT ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 99/2015/QĐST-DS ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân thị xã NH, về vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Thành Ph , ông Lê Thành T , bà Võ Thị L với bị đơn là bà Trần Thị T , ông Nguyễn Văn H , bà Trần Thị Th , ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T1 và bà Châu Thị D .

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để báo cáo);
- Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa (02 bản kèm hồ sơ vụ án để xét xử lại);
- TAND tỉnh Khánh Hòa (để biết);
- Chi cục THA dân sự thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GĐKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lại Văn Trình